

Bản án số: 341/2025/HC-PT

Ngày: 14/5/2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiên;

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 409/2024/HC-PT ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1956; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố số G, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số nhà F, đường D, khu phố C, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Phạm Hữu C; nơi đăng ký thường trú: Số G N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số E đường T, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Ông Trần Minh P, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số F ngõ A đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

3. Ông Đặng Đình P1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình; Có mặt.

4. Ông Ngô Duy H1; nơi đăng ký thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số F, ngõ A phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H2; nơi đăng ký thường trú: Số C N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số G N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Trần Văn H3, Công ty L và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A, khu Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- Luật sư Trần Đại P2, Công ty L1 thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P, Tòa C, KĐT M đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; địa chỉ: Lô B, khu đô thị M - Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cáp Trọng T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích Hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Hoàng Hải N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Q - Phó Giám đốc Trung tâm P3; Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các ý kiến đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Diện tích đất gia đình ông H sử dụng tại số F đường N có nguồn gốc là đất do gia đình bà Đỗ Thị N2 khai hoang, vượt lập. Năm 1990, bà N2 chuyển nhượng cho ông Hoàng Xuân T3 (việc mua bán lập giấy viết tay, có xác nhận của UBND phường L ngày 10/8/1990). Năm 1992, ông Thuyên chuyển N3 cho ông H (giấy

từ mua bán hiện thất lạc; nhưng có giấy uỷ quyền của ông T3 cho ông H). Các tài liệu này, ông H đã cung cấp cho chính quyền địa phương khi thu hồi đất. Sau này, ông H chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông T4, ông N. Quá trình sử dụng đất, năm 1996, thực hiện Dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông H và xác định loại đất là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, UBND phường L tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H và cấp cho gia đình ông Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định gia đình ông H sử dụng 161,2m² (bao gồm cả phần diện tích đã bán cho ông N, ông T4). Năm 2018, Trung tâm K lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL ghi nhận gia đình ông H sử dụng 72,5m² đất ở. Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình ông H không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai, được ghi nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp về đất bởi các cơ quan hành chính Nhà nước qua nhiều thời kỳ nên đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng 72,5m² đất và vật kiến trúc trên đất - khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. Tại phiên toà ông H yêu cầu UBND quận N bồi thường cho ông 100% số tiền bồi thường về đất với diện tích 53,7m² theo trích lục địa chính năm 2001 (sau khi đã trừ đi phần diện tích đất của ông N và ông T4) mà không phải là 72,5m² như trong quá trình giải quyết vụ án ông đã yêu cầu.

Tuy nhiên, khi thu hồi UBND phường và quận đã xác định sai nguồn gốc đất, diện tích thu hồi (chỉ xác định và chi trả bồi thường diện tích đất 44,22m²), không bồi thường đủ giá trị đất (50%) mà không cung cấp được văn bản chứng minh là không đúng. Hợp tác xã Đ là hợp tác xã Đ, có trụ sở nằm trên địa giới hành chính huyện A (nay là quận L), tách biệt với quận N, giới hạn bởi đường L và mương An Kim H4; nên việc cho rằng diện tích đất của gia đình ông H thuộc hồ cá Hợp tác xã Đ là không có căn cứ, không có tài liệu chứng minh Hợp tác xã Đ được UBND quận N giao đất, không có biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông H.

UBND quận N bồi thường cho ông H với đơn giá đất như phương án bồi thường là chưa chính xác bởi lẽ diện tích đất của ông H nằm ở hai mặt đường nên phải được tăng thêm 10% theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 quy định về bảng giá đất thành phố năm 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 54 năm 2019 so với Quyết định phê duyệt giá đất số 1535 ngày 26/5/2022.

Tại thời điểm thu hồi đất, gia đình ông H được cấp một suất đất tái định cư Lô 01-B1, tuy nhiên ngay trước lô đất có một cây đa rất to, không thể xây dựng công trình được; đề nghị UBND quận hỗ trợ di dời.

UBND phường và quận cho rằng ông H có hành vi xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngôi, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (mương An Kim H4) và lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vi phạm mà không thông báo, gia đình ông H không được giải trình là không đúng. Căn cứ Trích lục địa chính số 69/2020-TL, gia đình ông H

không có hành vi lấn chiếm 28,28m² hành lang nương An Kim H4. Từ đó dẫn đến việc ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng.

Do vậy ông Nguyễn Quang H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án cải tạo chung cư cũ trên đại bàn phường Đ (giai đoạn 1) (gọi tắt là Quyết định số 3115).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên đại bàn phường Đ (giai đoạn A) tại phường L, quận N (gọi tắt là Quyết định số 3148).

- Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2558/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Quyết định số 2558).

- Hủy Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 2893/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Quyết định số 2893).

- Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3606/QĐ- CCXP ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Quyết định số 3606).

Tại Văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Diện tích đất của hộ ông Nguyễn Quang H bị thu hồi có nguồn gốc là đất hồ cá của Hợp tác xã Đ, bà Đỗ Thị N2 tự vượt lập trước năm 1980 để làm nhà ở, sau đó bán lại cho ông Nguyễn Quang H (Số F N).

Theo bản đồ địa chính đường 5 năm 1996, hộ ông H sử dụng đất thuộc thửa số 100b, 100a, 100 diện tích 110,42m²; diện tích trong chỉ giới thu hồi là 66,2m² thuộc thửa số 100b (thực tế thu hồi là 67,6m²; trong đó có 1,4m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích còn lại 44,22m².

Năm 2001, khi đo vẽ Bản đồ địa chính phường L, hộ ông H đứng tên sử dụng đất tại thửa 508, tờ bản đồ địa chính LT22; diện tích 161,2m², mục đích sử dụng đất làm nhà ở, loại đất ở đô thị (diện tích 161,2m² gồm 03 hộ sử dụng: Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn T4 và Phan Văn N4).

Năm 2020 lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 (bản đồ thu hồi đất) hộ ông Nguyễn Quang H bị thu hồi tại thửa đất 77, loại đất ở đô thị; diện tích 72,5m². Diện tích biến động tăng 28,28m² so với bản đồ địa chính năm 2001 là do sử dụng ra nương An Kim H4.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình có đất bị thu hồi thực hiện Dự án do UBND phường L báo cáo; Phòng T5 thẩm định, Ủy ban nhân dân quận N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo kết quả thẩm định, hộ ông H bị thu hồi 72,5m² đất, đủ điều kiện bồi thường về đất ở với diện tích 44,22m² nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Quang H. Theo đó ông H được bồi thường về đất 1.063.491.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc 498.674.629 đồng và hỗ trợ di chuyển 5.000.000 đồng là đảm bảo quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản đồ địa chính thực hiện Dự án đường 5 năm 1996 và phương án bồi thường thì phần diện tích đất còn lại sau thu hồi đất phục vụ dự án tuyến đường 5 kéo dài đủ điều kiện bồi thường là đất ở. Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001, Trích lục địa chính năm 2020 thì phần diện tích đất biến động tăng được xác định là đất do các hộ dân chiếm dụng phía nương An Kim H4, là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường L đã lập biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh tình tiết vi phạm đối với hộ ông Nguyễn Quang H. Việc lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tính tiết vụ việc vi phạm hành chính là đảm bảo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do hành vi xây dựng kết thúc vào năm 2006, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2893/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ và Quyết định số 3606/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 116, 157, 158, 162, 163, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, 66, 67, 69, 71, 75, 79, 83, 86, 92 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18, 28, 38, 54, 59, 65, 66, 85, 86 và 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H về việc:

- Hủy Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Nguyễn Quang H) (Gọi tắt là Quyết định 3148).

- Hủy Quyết định số 2558/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2893/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 3606/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Quang H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện rút kháng cáo với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, chỉ kháng cáo với phần Quyết định 3148 về việc ông H thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% diện tích 44,22m² đất. Trình bày: đất ông H nhận chuyển nhượng, có văn bản chuyển nhượng được xác nhận của Ủy ban nhân dân phường trước năm 1993. Người bị kiện đưa ra lý do là các chủ sử dụng cũ tự ý chuyển mục đích là không đúng. Không có sự tồn tại của Hợp tác xã Đ. Người bị kiện không chứng minh được ai là người vi phạm, vi phạm thời điểm nào, theo quy định của Luật nào. Không có biên bản xử phạt bà N2, nên đất sử dụng là hợp pháp. Thời điểm hồi đất năm 1996, ông H vẫn đang quản lý. Ông N4, ông T4 đều là nhận chuyển nhượng sau. Thời điểm thu hồi Nhà nước bồi thường mấy loại đất chứ không chỉ đất ở. Biên bản vi phạm lập năm 1994 đối với nhà ông H không đúng, là các bản photo, không thể nào có việc vi phạm, lấn chiếm cùng lúc của các hộ dân.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, người sử dụng đất không phải nộp tiền khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Luật sư bổ sung: Việc xác định nhà ông H có lấn chiếm hay không, không cần đặt ra, vì pháp luật đã xác nhận cho người dân. Bà N2 chuyển nhượng được xác định là đúng nên Nhà nước mới xác nhận.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân quận N lại quyết định, xác định đất ông H thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, không phải nộp tiền sử dụng đất, nhận được 100% tiền bồi thường.

Người bị kiện vắng mặt, không trình bày hoặc xuất trình thêm tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ vào các ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quang H được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật, hình thức nội dung phù hợp nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng một số đương sự vắng mặt, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định chung.

[1.3] Đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đơn khởi kiện trong thời hiệu quy định. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng, phù hợp các quy định tại Điều 30, 32, khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn khởi kiện của người khởi kiện đề nghị tuyên hủy các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân quận N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N. Người khởi kiện nộp đơn khởi kiện trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang H chỉ đề nghị Tòa án xem xét hủy một phần Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Nguyễn Quang H). Buộc UBND quận N không trừ 50% tiền sử dụng đất. Còn các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, và các phần khác của Quyết định 3148; trình tự thủ tục thẩm quyền của các quyết định bị khởi kiện; người khởi kiện rút kháng cáo hết. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm với các yêu cầu kháng cáo khác của người khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang H chỉ đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ một phần Quyết định 3148, trong đó có bản tổng hợp buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% với diện tích 44,22m² đất thu hồi.

[2.1] Người khởi kiện chỉ còn kháng cáo một phần Quyết định số 3148 của UBND quận N, tuy nhiên Hội đồng xét xử vẫn xem xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 3148: UBND quận N khi tiến hành thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) đã ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều đã tuân thủ theo quy định của pháp luật về hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền ban hành, tuân theo quy định tại các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69 của Luật Đất đai năm 2013. Người khởi kiện cũng không ý kiến gì về vấn đề này, nên Toà án cấp phúc thẩm xác định: Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định về vấn đề này là có căn cứ.

[2.2] Về phương án bồi thường buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% với diện tích 44,22m² đất thu hồi:

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền về đất là 1.832.919.000 đồng. Trong đó diện tích đất được bồi thường là 44,22m² với đơn giá là 41.450.000 đồng/m², sau khi trừ đi nghĩa vụ tài chính phải thực hiện (trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất tính theo đơn giá tại bảng giá đất theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H) với số tiền là 769.428.000 đồng; số tiền bồi thường về đất còn lại hộ ông H được nhận là 1.063.491.000 đồng. Ông H cho rằng hộ gia đình ông phải được nhận 100% tiền bồi thường về đất với diện tích 44,22m², việc Ủy ban nhân dân quận N xác định sai nguồn gốc đất dẫn đến việc trừ 50% tiền bồi thường về đất của gia đình ông là không đúng. Hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc đất ông H quản lý: các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất do bà N2 tự quản lý sử dụng từ năm 1960 đến năm 1980. Sau đó, bà N2 bán cho ông T3, ông T3 bán cho ông H, ông H bán cho ông T4 và ông N4 mỗi người 1/3 thửa đất. Ông H chỉ còn quản lý 1/3 thửa đất. UBND quận N cho rằng đất bà N2 lấn vào đất của Hợp tác xã Đ, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ đất hồ ao thành đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993. Các tài liệu chứng cứ thể hiện ông Nguyễn Quang H mua đất của ông Hoàng Xuân T3 năm 1992 tuy nhiên, giữa hai bên chỉ có giấy viết tay mà không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bên phía người khởi kiện thì cho rằng ông H nhận chuyển nhượng từ ông T3, ông T3 nhận chuyển nhượng từ bà N2. Giữa ông T3 và bà N2 có giấy tờ mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương. Theo điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất khi đề nghị cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xác định nhà ông H có lấn chiếm hay không, pháp luật không đặt ra, vì pháp luật đã xác nhận cho bà N2

chuyển nhượng. Bà N2 sử dụng đất không có biên bản xử phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định: ý kiến của UBND quận N có căn cứ về việc bà N2 sử dụng đất không có nguồn gốc hợp pháp: Bà N2 quản lý sử dụng đất không được cơ quan có thẩm quyền giao đất, không mua đất từ chủ sử dụng đất hợp pháp. Ngay chính người khởi kiện cũng thừa nhận không có văn bản nào chứng minh bà N2 được phép sử dụng diện tích đất đã bán cho ông T3, cũng không có tài liệu nào chứng minh bà N2 khai hoang theo chủ trương chính sách của Nhà nước thời điểm đó. Luật Đất đai quy định, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý với tư cách đại diện chủ sở hữu. Mỗi một giai đoạn thời kỳ, nếu thực hiện chủ trương khai hoang phục hoá, Nhà nước đều có văn bản và chính sách cụ thể để khuyến khích người dân thực hiện chủ trương đó, ví dụ như: chủ trương xây dựng vùng kinh tế mới. Và như vậy, thì việc khai hoang sử dụng đất mới là hợp pháp, còn những trường hợp, không được Nhà nước cho phép thì đều là lấn chiếm. Điều này cũng thể hiện rõ khi lấy ý kiến khu dân cư, đất ông H mà trước đó là ông T3, bà N2 quản lý là đất Nhà nước giao cho một chủ thể khác là (Người dân được lấy ý kiến và Ủy ban nhân dân quận N đều cho rằng là Hợp tác xã Đ). Kể cả trong trường hợp không có chủ thể là Hợp tác xã Đ thì cũng không có nghĩa người dân được phép lấn chiếm tự ý sử dụng mà chưa có chủ trương cho phép của Nhà nước. Chính vì vậy, khi xác nhận cho bà N2 UBND phường chỉ chấp nhận bà N2 nhượng quyền sử dụng căn nhà 20m² sang ông T3 mà không xác nhận diện tích 250m² bà N2 quản lý sử dụng (Bút lục 29 trang 2).

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất, bà N2 đã có hành vi lấn chiếm đất, vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân quận N thực hiện việc thu hồi đất vào năm 2022, không có văn bản, tài liệu thể hiện diện tích đất trên đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Tuy nhiên, vì hộ ông H đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất nhiều năm, không có tranh chấp; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, Ủy ban nhân dân quận N đã xác định, sau khi bị Nhà nước thu hồi đất vào năm 1996, diện tích đất còn lại của hộ ông H là 44,22m² và thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân quận N lập phương án bồi thường về đất cho hộ ông H với diện tích được bồi thường là 44,22m² nhưng trừ 50% số tiền được bồi thường là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Do đó quyết định về vấn đề này của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[2.3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quang H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đề nghị rút một phần kháng cáo của người khởi kiện, đình chỉ xét xử phúc thẩm với các yêu cầu kháng cáo đã được rút.

2. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quang H; Giữ nguyên quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến